

## HƯỚNG TỚI MỘT LÍ THUYẾT DỊCH TOÀN DIỆN: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

GS.TS HOÀNG VĂN VÂN

### 1. Dẫn luận

Những người không làm dịch và những người sử dụng sản phẩm dịch khi được hỏi “Dịch là gì?” thường quan niệm một cách giản đơn là dịch là sự thay thế những từ, ngữ của ngôn ngữ này bằng những từ, ngữ trong ngôn ngữ kia. Quan niệm giản đơn ấy xuất phát từ thực tế là họ hoặc không quan tâm đến vấn đề hoặc chỉ dựa vào quan sát bề ngoài hai sản phẩm nằm ở hai đầu của quá trình dịch, đầu này là ngôn bản ngữ nguồn (thường họ không biết cả về nội dung và phong cách) và đầu kia là ngôn bản dịch ngữ đích. Trái lại, với những người làm dịch, đặc biệt là những người vừa làm dịch vừa nghiên cứu về dịch thì câu hỏi “Dịch là gì?” dường như không có câu trả lời duy nhất. Trong thực tế, khi nghiên cứu những gì xảy ra trong quá trình dịch từ một ngôn bản ở ngữ nguồn sang một ngôn bản ở ngữ đích, người ta có thể thấy đây là một quá trình cực kì phức tạp. Nó chứa đựng một loạt các yếu tố, cả các yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài ngôn ngữ, cả các yếu tố chủ quan lẫn yếu tố khách quan liên quan đến người

dịch, v.v.. Những yếu tố này cần phải được nghiên cứu một cách có hệ thống, nếu không người ta sẽ không thể hiểu được bản chất của dịch, một công việc nhọc nhằn mà hàng nghìn người đã và đang cặm cụi làm và hàng trăm nhà lí luận và nghiên cứu đã và đang dày công suy nghĩ, tìm tòi, khám phá trong hàng nghìn năm qua. Bài viết này dự định tìm hiểu thêm về bản chất của dịch liên ngôn theo định nghĩa của Jakobson [1], đặt nền tảng cho một mô hình lí thuyết dịch toàn diện, giúp người dịch và những người học dịch tự tin hơn trong quá trình ra các quyết định về dịch. Để bắt đầu, chúng tôi sẽ mô tả khái quát những gì có thể quan sát được từ quá trình dịch. Sau đó chúng tôi sẽ khảo sát ba khái niệm chủ chốt liên quan đến đích của hoạt động dịch: *tương đương*, *tương ứng biến*, và *thoả đáng*. Ba khái niệm này được tiếp nối bằng hai mục, ở đó chúng tôi sẽ thảo luận hai khái niệm chủ chốt khác, giúp người dịch có căn cứ để hiểu ngôn bản ngữ nguồn và lựa chọn những hình thức tương ứng để biểu đạt những ý nghĩa tương đương trong ngôn bản ngữ đích, đó là: *ngôn cảnh ngôn ngữ* và *ngôn cảnh tình huống*.

Chi tiết của những nội dung này được trình bày trong những mục dưới đây.

## 2. Quá trình dịch: một số quan sát

Những người làm dịch đều có thể nhận thấy rằng dịch bắt đầu từ một ngôn bản (nói hoặc viết) ở ngữ nguồn được dịch (thông qua người dịch) sang một ngôn bản ở ngữ đích. Trong quá trình dịch họ thường nhận ra rằng hầu hết thời gian và cố gắng của họ được đầu tư vào việc tạo ra những ‘biến thể’ hay những ‘phiên bản mới’ của ngôn bản ngữ nguồn trong ngữ đích. Những biến thể này thể hiện những sự lựa chọn cá nhân, được thực hiện trên cơ sở những mẫu thức được mã điển hoá, được dạy, được nhập tâm, mang dấu ấn đặc thù của người dịch (chi tiết, về đặc thù của thông dịch viên, xin xem [2], [3], [4]). Ngoài ra, những biến thể dịch còn phụ thuộc vào nhiều tham số trong đó tham số quan trọng nhất là tình huống giao tiếp mà người dịch làm việc. Tình huống giao tiếp cơ bản nhất bao gồm: 1) người tạo ngôn bản ngữ nguồn (tác giả) và cử tọa đích ở nền văn hoá ngữ nguồn, 2) người tạo ngôn bản ở ngữ đích (người dịch) và một kiểu cử tọa “lí tưởng” nào đó người dịch có trong đầu. Tuy nhiên, những gì có thể quan sát được từ bên ngoài cho ta biết tình huống giao tiếp trong đó người dịch làm việc là: *ngôn bản ngữ nguồn, người dịch và ngôn bản dịch ở ngữ đích.*

Nhiệm vụ của người dịch là phải chuyển được những nội dung hay những ý nghĩa được nhập mã trong ngôn bản ngữ nguồn sang một ngôn bản ở ngữ đích, bảo tồn, càng nhiều càng tốt, những đặc điểm về cách biểu đạt và phong cách của ngôn bản ngữ nguồn. Nói cách khác, không giống với việc kể lại một câu chuyện trong cùng một ngôn ngữ (dịch nội ngôn), trong dịch liên ngôn, người dịch phải chuyển tải được cả những nội dung (nghĩa là “cái gì”) và phong cách (nghĩa là “như thế nào”) được diễn đạt và thể hiện trong ngôn bản ngữ nguồn sang ngôn bản dịch ở ngữ đích. Hai yêu cầu này có tác dụng không những đối với việc dịch một ngôn bản nói chung mà còn đối với việc dịch những bộ phận cấu thành của nó. Để thực hiện được hai yêu cầu này, kiến thức về ngôn ngữ học so sánh có tầm quan trọng đặc biệt đối với người dịch. Thông thường, ngôn ngữ học so sánh đề cập đến từng bộ phận của ngôn ngữ: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, v.v.. Những dữ liệu này của các nhà ngôn ngữ học so sánh có thể được sử dụng làm cơ sở cho một lí thuyết dịch cục bộ, nghĩa là, cho một lí thuyết dịch được xây dựng dựa vào việc so sánh từng khía cạnh của hai ngôn ngữ cụ thể. Tuy nhiên, bản chất phức tạp của dịch yêu cầu phải có một cách tiếp cận phức tạp hơn, không chỉ so sánh ở góc độ ngôn ngữ mà còn cả ở góc độ nằm ở phía sau ngôn ngữ; đó là, văn hoá.

Điều quan trọng đối với người dịch không phải là so sánh các hình thức hay các cấu trúc ngữ pháp, mà là sự so sánh toàn bộ những nhân lời cấu trúc - ngữ nghĩa hình thành nên tổng thể có tính khái niệm. Cấu trúc ngữ pháp trần trụi bị tước đi nội dung từ vựng hoàn toàn vô nghĩa đối với người dịch. Thí dụ, hợp chuẩn về ngữ pháp nhưng vô nghĩa về ngữ nghĩa *Colourless green ideas sleep furiously* (*Những ý tưởng xanh không màu ngủ một cách giận dữ*) của nhà ngôn ngữ học tạo sinh lừng danh người Mỹ, Noam Chomsky [5] đã giúp lí giải cho điểm quan trọng này.

Từ trước đến nay, các phạm trù của lí thuyết dịch đại cương thường được xây dựng trên hai cơ sở: 1) những dữ liệu được lấy ra từ những lí thuyết dịch thuật cục bộ và 2) lô gích - ngữ nghĩa mà các ngôn ngữ đều có ở mức độ phát triển tương tự. Nhiệm vụ của lí thuyết dịch là thiết lập những thông số tương ứng trong đó sự lựa chọn một biến thể dịch có thể được thực hiện. Một lí thuyết dịch khả dĩ phải thiết lập được những đặc điểm của quá trình dịch, dựa vào sự tương ứng cả về cấu trúc và chức năng, trong đó tương ứng chức năng được đặc biệt quan tâm. Để hoàn thành được nhiệm vụ đó, khi dịch một ngôn bản ngữ nguồn sang một ngôn bản ở ngữ đích, người dịch phải tính đến vai trò của những yếu tố có bản chất lô gích - ngữ nghĩa giống nhau trong khi dịch những yếu tố nghĩa giống nhau. Đọc và phân tích ngôn bản ngữ nguồn lần đầu (mặc

dù trong thực tế dịch thuật ở Việt Nam do tiết kiệm thời gian không nhiều người làm việc này) giúp người dịch thiết lập trước được bản chất của những nội dung, những khái niệm và những đặc điểm văn phong đặc thù của ngôn bản ngữ nguồn. Sau khi thực hiện xong nhiệm vụ phân tích (đọc) ngôn bản ngữ nguồn, người dịch chuyển sang thiết lập những tiêu chí lựa chọn phương tiện ngôn ngữ trong ngôn bản ngữ đích: những từ, ngữ, các cách diễn đạt, các thành phần của câu, câu đơn, câu phức, các dấu hiệu ngôn bản, v.v. sao cho ngôn bản ở ngữ đích tương ứng tương đương với ngôn bản gốc ở ngữ nguồn. Đồng thời, để có thể chuyển được đủ ý của ngôn bản ngữ nguồn sang ngôn bản dịch ở ngữ đích, người dịch phải tìm kiếm những sự tương ứng tương đương trong những nguồn tài nguyên phong phú ở ngữ đích. Tất nhiên, sự lựa chọn này không giới hạn vào những dữ liệu được liệt kê và cố định trong từ điển, bởi vì không một cuốn từ điển nào có thể cho biết trước được tất cả những sự đa dạng của ý nghĩa ngôn cảnh xuất hiện được thể hiện trong luồng lời nói thực sự. Vì lí do này, bất kì lí thuyết dịch nào cũng đều phải tính đến việc thiết lập được những tương đương chức năng hay tương đương động theo cách hiểu của Nida [6].

### 3. Tương đương

Khái niệm *tương đương* trong lí luận và nghiên cứu dịch thuật được mượn từ toán học [7], [2]. Các nhà

toán học sử dụng thuật ngữ *tương đương* để chỉ các thành phần của hai tập hợp có một mối quan hệ chính xác có thể đổi chỗ được cho nhau (Brockhaus Enzyklopadie, 1966, dẫn theo [2, 138]). Do độ phức tạp của vấn đề cho nên trong dịch thuật, *tương đương* được cho nhiều nét nghĩa khác nhau: ‘tương đương chức năng’, ‘tương đương trong sự khác biệt’, ‘bình đẳng của hiệu quả ngôn bản’, ‘dịch ảo với dịch thực’, ‘tương đương tự nhiên gần nhất’, ‘tương đương hình thức’, ‘tương đương động’, ‘tương ứng hình thức’, ‘tương đương ngôn bản’, ‘tương đương phong cách’, ‘tương đương nội dung’, ‘tương đương giao tiếp’, ‘bất biến chức năng’, ‘tính phù hợp ngữ dụng của dịch’, ‘tương đương ngữ dụng - ngôn bản’, ‘tương đương cú pháp’, ‘tương đương ngữ nghĩa’, ‘tương đương ngữ dụng’... (chi tiết hơn về những khái niệm này, xin xem Hoàng Văn Vân [8]). Từ đây có thể khẳng định rằng những nét nghĩa mà từ điển song ngữ cung cấp không nên được xem là chân lí cuối cùng trong khi chọn nghĩa tương đương cho ngôn bản ngữ đích, ngay cả khi chúng thể hiện một bức tranh khá thoả đáng về những phạm trù của từ và các cách diễn đạt trong ngôn ngữ này mà chỉ có một sự tương ứng tương đương trong ngôn ngữ kia. “Không có một cuốn từ điển nào liệt kê được tất cả trừ một phần nhỏ của những bình diện có ý nghĩa kĩ thuật, tiếng lóng, sự biện chứng, mỉa mai, lịch sử của từ...” [4, 180]. Do đó, tương đương khó có thể có ý nghĩa tuyệt đối. Tuy nhiên,

trong lí luận và nghiên cứu dịch thuật người ta thường phân biệt giữa tương đương tuyệt đối hay tương đương đầy đủ và tương đương bộ phận hay tương đương tương đối. Những tên địa danh như *Việt Nam, Trung Quốc, Hoa Kỳ*; những tên riêng như *Loan, Hương, David, Kathy*, v.v., trong khi chuyển dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia thường được cho là những tương đương tuyệt đối. Mặt khác, những cách diễn đạt như *dirt cheap* với *rẻ như bèo*, *sell like hot cakes* với *bán đắt như tôm tươi* có thể được xem là những tương đương bộ phận, bởi vì mặc dù chúng có thể có cùng hiệu quả giao tiếp nhưng chúng được diễn đạt khác nhau trong hai ngôn ngữ, một ngôn ngữ (tiếng Anh) lấy *bụi (dirt)* để chỉ mức độ rẻ mạt, lấy *bánh nóng (hot cakes)* để chỉ giá trị sử dụng cao của mặt hàng trong khi trong ngôn ngữ kia (tiếng Việt) lấy *bèo* để diễn đạt cùng mức độ rẻ mạt và *tôm tươi* để diễn đạt cùng mức độ sử dụng cao của mặt hàng.

.....

\* Xét cho cùng thì các tên gọi như *David* và *Kathy* trong tiếng Anh không có sự tương đương tuyệt đối trong các ngôn ngữ khác, bởi vì nếu “thuần hoá” (*domesticate*) hai tên gọi phổ biến này trong tiếng Anh bằng cách thay chúng bằng những tên gọi phổ biến trong một ngôn ngữ đích nào đó thì người dịch sẽ đánh mất đi tính “nguyên gốc” (*originality*) của ngôn bản ngữ nguồn. Ngược lại, nếu giữ nguyên chúng trong ngôn bản dịch ở ngữ đích thì người dịch lại tạo cho người nghe/đọc ở ngữ đích một cảm giác về sự “xa lạ” hay “ngoại lai” (*foreignness*) (chi tiết về hai khái niệm “thuần hoá” và “xa lạ” trong dịch, xin xem Venuti [9]).

Khi một từ mới xuất hiện trong ngôn bản ngữ nguồn, những người dịch thường cố gắng hết sức, trong chùng mực có thể, để tìm ra một từ tương đương cho nó trong ngôn bản dịch ở ngữ đích. Tuy nhiên, do sự đụng độ giữa hai tiêu chí “thuần hoá” và “ngoại lai” cho nên “tương đương” dường như vẫn là một thể lưỡng dao đối với lí luận và nghiên cứu dịch thuật. Hai thuật ngữ mà nhà ngôn ngữ học nổi tiếng người Thụy Sĩ Ferdinand de Saussure [10] dùng trong *Cours de Linguistique Générale* (Giáo trình ngôn ngữ học đại cương) là *langue* và *parole* lúc đầu với chủ trương thuần hoá được dịch sang tiếng Anh là *language* và *speech* và sang tiếng Việt là *ngôn ngữ* và *lời nói*, nhưng cách dịch này hoá ra lại vừa không tương đương vừa không thoả đáng, bởi vì chúng không bóc hết được những nét nghĩa mà tác giả ở ngôn bản ngữ nguồn (tiếng Pháp) muốn trao cho chúng. Nó giải thích tại sao nhiều nhà ngôn ngữ học người Anh và người Việt hiện nay trở lại sử dụng hai thuật ngữ gốc *langue* và *parole* của F.de Saussure trong các công trình nghiên cứu của họ để giữ nguyên ý nghĩa “nguyên gốc” của chúng trong tiếng Pháp, và do đó vô hình trung đã đưa ‘tính ngoại lai’ vào các ngôn bản của họ.

Tương đương, ở một nghĩa nào đó, đồng nhất với độ chính xác. Độ chính xác tuyệt đối trong dịch đôi khi yêu cầu người dịch phải từ bỏ nguyên tắc tiết kiệm. Lấy từ *gobbledygook* trong *Từ điển về chính quyền và chính trị Hoa Kỳ* [11] do Nxb Chính trị Quốc gia ấn hành năm 2002, tr. 408 làm thí dụ. Đây là một từ ba âm tiết trong

tiếng Anh - Mỹ và trong ngôn cảnh chính trị nó không có từ tương đương trong tiếng Việt. Cách mà những người dịch cuốn từ điển này xử lí trong trường hợp này là dịch hết những gì được giải nghĩa trong từ điển tương giải gốc trong tiếng Anh-Mỹ; do đó, *gobbledygook* = *ngôn ngữ hành chính rối rắm, lối văn cầu kì*. Một thuật ngữ chính trị khác trong tiếng Anh - Mỹ cũng yêu cầu phải dịch chi tiết, đó là từ *brinkmanship*. Trong từ điển *Macquarie: Australia's National Dictionary* [12, 242], *brinkmanship* được giải thích là *the practice of courting disaster, especially nuclear war, to gain one's ends* (tạm dịch, “thói quen tạo ra tai họa, đặc biệt là chiến tranh hạt nhân, để đạt những mục đích của mình”). Tuy nhiên, trong *Từ điển về chính quyền và chính trị Hoa Kỳ* do Nxb Chính trị Quốc gia ấn hành [11, 106], sau khi dịch sang tiếng Việt là *chính sách “bên bờ vực thảm chiến tranh”* (những) người dịch đã dịch toàn bộ 4 nét nghĩa chính của thuật ngữ này với khoảng một trang giấy khổ 16 x 24, nhưng vì lí do về độ dài của bài viết cho nên chúng tôi không dẫn ra ở đây. Tương tự, trong nhiều trường hợp một từ tiếng Việt có thể phải dịch bằng một tổ hợp từ trong tiếng Anh thì mới nói lên được hết nghĩa của nó và mới có thể được cho là tương đương. Thí dụ, *ích quốc* và *lợi nhà* là hai cụm từ trong tiếng Việt, khi dịch sang tiếng Anh hình thức tương đương của chúng là hai cụm từ *useful/ beneficial to one's country/ nation* và *useful/ beneficial to one's family*. Những hiện tượng này trong thực tế dịch thuật giải thích tại sao một số nhà lí luận dịch thuật lại đề xuất sử

dụng thuật ngữ “*chuyển dịch*” (transfer) thay cho thuật ngữ “*dịch*” [13].

Trong lí luận và nghiên cứu dịch thuật, người ta thường phân biệt giữa “*dịch vi mô*” và “*dịch vĩ mô*”. Dịch vi mô liên quan đến việc dịch các đơn vị từ vựng, các cụm từ, các cấu trúc ngữ pháp. Ngược lại, dịch vĩ mô chứa đựng tất cả những gì mà truyền thống dịch gọi là “*những sự chuyển đổi*” hay dịch từ cấp độ ngôn ngữ này sang cấp độ ngôn ngữ kia và từ phạm trù này sang phạm trù kia của ngôn ngữ. Dịch là một hành động xã hội, nó xảy ra ở bình diện *parole* và nó hoàn toàn không bắt buộc phải sử dụng những sự tương ứng liên ngôn. Điều này đúng với Catford [13, 72] khi ông nhận xét: “*Mọi bản dịch tương đương đều phải liên hệ với cùng bản chất hay cùng một bộ phận của thực tế.*” Hàm ý quan trọng của sự phân biệt giữa dịch vi mô và dịch vĩ mô là trong khi dịch người dịch phải phân tích thấu đáo cả hai phạm trù này. Nếu chỉ hạn chế vào phân tích một trong hai phạm trù và nếu chỉ áp dụng phương pháp diễn dịch, thì người dịch sẽ không bao giờ có được một bản dịch tương đương với ngôn bản ngữ nguồn.

#### 4. Tương ứng biến

Tương ứng biến được thiết lập giữa các từ khi ngữ đích cung cấp một số từ tương ứng để dịch cùng một nghĩa được diễn đạt bởi một từ trong ngôn bản ngữ nguồn. Từ *exercise* trong tiếng Anh khi là danh từ có ít nhất 4 sự tương ứng trong tiếng Việt: 1) *bài tập*, 2) (*sự*) *tập thể dục*, 3) *luyện tập*, và 4) *sự sis/ vận dụng*; và khi là động từ nó có ít nhất 5 sự

tương ứng trong tiếng Việt: 1) *tập thể dục*, 2) *luyện tập*, 3) *sử dụng*, 4) *làm cho bận khoăn/ lo lắng*, và 5) *thách thức buổi lễ*. Tính từ *little* trong tiếng Anh có thể vừa tương ứng với *nhỏ* vừa tương ứng với *bé*, vừa tương ứng với *tí hon* trong tiếng Việt; tính từ *short* trong tiếng Anh vừa tương ứng với *lùn* vừa tương ứng với *thấp* lại vừa tương ứng với *ngắn* trong tiếng Việt. Tương tự, danh từ *dấu vết* trong tiếng Việt có thể tìm thấy ít nhất 4 sự tương ứng trong tiếng Anh: 1) *trace*, 2) *sign*, 3) *track*, và 4) *vestige*; tính từ *cao* trong tiếng Việt vừa tương ứng với *tall* vừa tương ứng với *high* trong tiếng Anh, tùy thuộc vào danh từ mà chúng kết hợp. Mặt khác, trong tiếng Anh và tiếng Việt có hai cặp tính từ tương ứng với nhau là *sâu* ↔ *deep* và *rộng* ↔ *wide*, nhưng trong khi tiếng Anh có *profound* chỉ cả hai chiều sâu và rộng thì tiếng Việt lại không có từ đơn nào nhập mã cả hai ý nghĩa đó.

Tương ứng biến bao gồm những từ đồng nghĩa được phái sinh từ một gốc từ có lẽ là đặc điểm quan trọng nhất phân biệt một ngôn ngữ tổng hợp tính với một ngôn ngữ phân tích tính mà một lí thuyết dịch khả dĩ phải tính đến. Lấy *flying* và các tổ hợp của nó trong tiếng Anh với những tương ứng biến của chúng trong tiếng Việt làm thí dụ minh họa. Thông thường *flying* tương ứng với (*đang*) *bay* trong tiếng Việt. Tuy nhiên, khi kết hợp với các danh từ khác nhau nó có thể tương ứng với nhiều từ khác (cả tính từ và danh từ trong chức năng bổ ngữ) trong tiếng Việt như: *phi công* trong *flying officer* (*trung úy phi công*), *cơ động* trong *flying column* (*đội*

*quân cơ động*), rục rờ trong *flying colours* (thành công rục rờ), cấp tốc trong *flying doctor* (bác sĩ cấp tốc), ngắn như *flying visit* (chuyến viếng thăm ngắn); hoặc mất nghĩa như trong *flying fox* (dơi quạ) và *xúi giục* trong *flying picket* (công nhân xúi giục (đình công)). Nếu chỉ xét những trường hợp như thế này thì người ta sẽ dễ dàng ngộ nhận rằng trong tiếng Việt ý nghĩa cụ thể và chi tiết chiếm ưu thế trong mọi trường hợp dịch. Trong thực tế, nếu lấy một từ nào đó trong tiếng Việt và xét nó theo chiều ngược lại thì ta cũng có những kết quả tương tự như trường hợp của *flying* trong tiếng Anh.

### 5. Thoả đáng

Như đã đề cập ở trên, mặc dù tương đương được phân ra thành tương đương tuyệt đối và tương đương tương đối, nhưng trong thực tế rất hiếm khi có sự tương đương tuyệt đối giữa một đơn vị ở ngôn bản ngữ nguồn với một đơn vị tương ứng trong ngôn bản ngữ đích. Thực tế này đã khiến các nhà nghiên cứu và lí luận dịch thuật phải đi tìm một khái niệm khác để tạo sự đồng thuận hơn; đó là khái niệm *thoả đáng*. Bởi vì tiêu chí cho sự thoả đáng chỉ dựa vào những sự tương ứng đối với một phần của thực tế trong ngôn bản ngữ nguồn, cho nên sự tương đương của những phương tiện được xác định không phải bởi sự giống nhau mà bởi sự gần đúng tối đa đối với kết quả đạt được do tác động của các yếu tố trong ngôn bản ngữ nguồn. Mặt khác, các nhà lí luận dịch như Nida [6], Nida & Taber [14], Shveister [15], và Munday

[16] lại chỉ ra rằng cơ sở để thiết lập sự tương ứng của các phương tiện diễn đạt về bản chất chỉ có thể là chức năng, không phải là hình thức. “Yêu cầu cho sự thoả đáng phải là tối ưu chứ không phải là tối đa: một bản dịch phải đáp ứng được những yêu cầu nhất định và phải hoàn thành những nhiệm vụ nhất định một cách tối ưu nhất” [14, 52]. Quá trình phức tạp của dịch chứa đựng nhiều yếu tố ngăn cản việc thiết lập những tương ứng hình thức ở cấp độ *parole*. Cùng một hình thức ngôn ngữ có thể thực hiện nhiều chức năng khác nhau phụ thuộc vào một loạt các yếu tố hữu ngôn và phi ngôn khác nhau. Chính vì vậy trong khi dịch, người dịch phải nhờ đến nhiều kiểu kiến thức khác nhau như lô gích học, tâm lí học, văn học, v.v., nếu họ muốn có một bản dịch thoả đáng phản ánh đầy đủ những tư tưởng, tình cảm và những quan niệm chứa đựng trong ngôn bản ngữ nguồn. Tuy nhiên, bởi vì ngôn bản thường là chất liệu duy nhất để người dịch làm việc, cho nên tương đương chức năng vẫn là cơ sở cho bất kì cách tiếp cận ngôn bản nào từ góc độ ngôn ngữ học [4, 50].

Điều cần phải lưu ý là, số lượng và chất lượng của những yếu tố tạo cơ sở cho sự tương đương chức năng thay đổi theo từng kiểu ngôn bản được dịch. Cái mà thường xuyên bất biến có lẽ là cơ sở lô gích - ngữ nghĩa. Cơ sở này quyết định các quá trình phân tích và tổng hợp, làm nền tảng cho tất cả các phương pháp dịch. Điều đôi khi xảy ra là người dịch có thể hiểu biết về những thực tế được mô tả trong ngôn bản ngữ nguồn nhiều

hơn và thậm chí sâu sắc hơn tác giả của chính ngôn bản ngữ nguồn đó. Nhưng liệu trong khi dịch người dịch có được phép tạo lại một thực tế *khác* với thực tế được mô tả trong ngôn bản ngữ nguồn hay không còn là một vấn đề mà một lí thuyết dịch toàn diện phải tính đến.

### 6. Ý nghĩa ngôn cảnh: ngôn cảnh ngôn ngữ

Ý nghĩa của một đơn vị ngôn ngữ, từ hoặc ngữ, có thể được xác định bởi mối quan hệ của nó với những đơn vị xung quanh nằm trong cùng ngôn bản. Kiểu ngôn cảnh này được gọi là ‘ngôn cảnh ngôn ngữ’ hay ‘đồng ngôn bản’ theo thuật ngữ của Catford [13]. Ngôn cảnh ngôn ngữ giúp người dịch giải mã (hiểu và đoán nghĩa của) các đơn vị ngôn ngữ (từ, cụm từ, câu) được nhập mã trong ngôn bản ngữ nguồn và chọn những đơn vị tương ứng tương đương để nhập mã vào ngôn bản ngữ đích. Nếu không có sự “bật mí” của ngôn cảnh thì chắc chắn nhiều người dịch, kể cả những người dịch có năng lực cũng khó có thể tìm được từ tiếng Việt tương đương với từ *selective* trong câu tiếng Anh *Nowadays admissions to American colleges and universities are very selective*. Tương tự, nếu không có sự gợi ý của ngôn cảnh thì chắc chắn bất kì người dịch nào cũng khó có thể tìm được cụm từ tiếng Việt tương đương với cụm từ *selectively deaf* trong câu tiếng Anh *That guy is always selectively deaf*. Lí do là vì không một cuốn từ điển Anh - Anh hay Anh - Việt nào cho họ cách dịch của *selective* là *khất khe* và cách dịch của *selective deaf* là *điếc ăn người*.

Tần số xuất hiện cho phép người dịch phân biệt ý nghĩa thường xuyên với ý nghĩa không thường xuyên. Ý nghĩa thường xuyên tham gia vào tập hợp những sự tương ứng biến trong khi ý nghĩa không thường xuyên xuất hiện và biến mất như là những biểu hiện của sự sử dụng ngôn ngữ chủ quan của những người nói/ viết khác nhau. Sự chuyển đổi của một từ từ phạm trù “không thường xuyên” sang phạm trù “thường xuyên” là nhân tố phổ biến nhất trong sự phát triển của từ đa nghĩa. Có nhiều lí do giải thích tại sao người nói/ viết lại có thể quyết định từ bỏ từ được chấp nhận rộng rãi mà chính nó gợi ý một cách tự động hoá đối với họ và thay nó bằng một từ khác, ít được truyền thống sử dụng. Sự thay thế này có thể được tạo ra bởi một sự liên tưởng đột xuất trong một thời điểm tức thì, một sự thúc giục cần phải diễn đạt ngay lập tức một nghĩa nào đó, một cố gắng để đạt được hiệu quả nào đó như tạo sự hài hước hay mong muốn thu hút được sự chú ý của người nghe/ đọc, v.v.. Những đặc điểm này của thực tế dịch thuật có thể phải được tính đến trong một lí thuyết dịch toàn diện.

### 7. Ý nghĩa ngôn cảnh: ngôn cảnh tình huống

Ý nghĩa của một đơn vị ngôn ngữ không phải chỉ được xác định bởi những thành phần xung quanh nó trong ngôn bản. Trong nhiều trường hợp nó còn được xác định bởi những yếu tố bên ngoài ngôn bản. Nếu chỉ bám vào từ, ngữ và cấu trúc trong ngôn bản ngữ nguồn thì chắc chắn người dịch không thể dịch đúng nghĩa



phát ngôn tiếng Việt *Vâng, cô thì đẹp còn tôi thì xấu* sang bất kì ngôn ngữ đích nào. Kiểu ngôn cảnh giúp người dịch hiểu ý nghĩa của những phát ngôn như trên được các nhà ngôn ngữ học chức năng [17]; [18];[19] gọi là ‘ngôn cảnh tình huống’.

Mặc dù công nhận tầm quan trọng của những yếu tố tình huống ngoài ngôn ngữ, nhưng các nhà ngôn ngữ thuộc các trường phái khác nhau lại thể hiện những khác biệt liên quan đến nó. Trong khi các nhà ngôn ngữ học chức năng gọi những gì xuất hiện trong tình huống giao tiếp nằm ngoài ngôn ngữ là “ngôn cảnh tình huống” thì các nhà ngôn ngữ học truyền thống lại cho nó những tên gọi khác nhau như “tình huống khách quan”, “tình huống lời nói”, hay “tình huống ngôn ngữ ngoại tại.” Quan niệm thế nào là tình huống trong đó ngôn ngữ xuất hiện dường như cũng không có sự đồng nhất. Trong khi Gak [20], nhà ngôn ngữ học truyền thống người Nga, cho rằng tình huống bao gồm các mối quan hệ khách quan như các vật thể và sự tương tác của chúng được mô tả trong phát ngôn, và thời gian và địa điểm trong đó phát ngôn xuất hiện, thì Firth [18], nhà ngôn ngữ học chức năng người Anh, người đặt nền móng cho ngữ dụng học hiện đại, lại mô hình hoá ngôn cảnh tình huống theo 4 tham số: 1) người tham gia vào tình huống giao tiếp như người, cá tính của họ, 2) hành động của người tham gia: họ đang làm gì kể cả hành động hữu ngôn và hành động phi ngôn, 3) các đặc điểm phù hợp khác của tình huống: sự vật, sự kiện xung quanh tác động đến những gì đang diễn ra, và 4) hiệu quả của hành động hữu

ngôn: những thay đổi do kết quả của những người tham gia trong tình huống lời nói mang lại. Dựa vào mô hình ngôn cảnh tình huống của Firth nhưng chi tiết hơn, Hymes [21] xây dựng mô hình ngôn cảnh tình huống của mình bằng 10 tham số mà ông cho là có tác dụng tạo ý nghĩa cho ngôn bản: 1) người gửi (người nói/ viết) và người nhận (người nghe/ đọc), 2) cử tọa (người nghe không theo dự định), 3) chủ đề của ngôn bản, 4) bối cảnh (thời gian, không gian trong đó ngôn bản xuất hiện), 5) kênh giao tiếp (phi ngôn hay hữu ngôn, nếu hữu ngôn thì khẩu ngữ hay bút ngữ), 6) mã hiệu (ngôn ngữ hay phương ngữ, phong cách nào được sử dụng), 7) hình thức thông điệp (thể loại ngôn bản nào, báo chí, trần thuật, khoa học, v.v.), 8) sự kiện (bản chất của giao tiếp trong đó ngôn bản được đặt vào, 9) điểm đánh giá chủ chốt (chúng ta đánh giá một ngôn bản như thế nào), và 10) mục đích giao tiếp (kết quả mà người tham dự mong muốn xảy ra do quá trình giao tiếp mang lại).

Một mô hình ngôn cảnh tình huống khác có ảnh hưởng sâu rộng trong ngôn ngữ học hiện đại là mô hình ngôn cảnh tình huống do Halliday phát triển. Tiếp thu mô hình ngôn cảnh tình huống của Malinowski [17] và của Firth [18], Halliday cho rằng có 3 tham số ngôn cảnh tình huống giúp người đọc hiểu thấu đáo hơn các ý nghĩa của một ngôn bản; đó là: 1) trường của ngôn bản, 2) không khí của ngôn bản, và 3) phương thức của ngôn bản. Trường của ngôn bản chỉ cái gì đang diễn ra, nội dung chủ đề của ngôn bản. Không khí của ngôn bản chỉ ai đang tham gia vào sự kiện

lời nói, bản chất, vị thế và, các vai diễn, và đặc biệt mối quan hệ giữa họ trong sự kiện giao tiếp. Phương thức của ngôn bản chỉ môi trường trong đó hoạt động ngôn ngữ diễn ra, thể hiện bản chất mã hiệu ngôn ngữ được sử dụng. Theo đó, một ngôn bản có thể được thể hiện thông qua viết hoặc nói, nếu viết thì nó có thể được viết ra để đọc (bài báo cáo, bản tin, v.v.) hay viết ra để lưu trữ (luật, hợp đồng, v.v.). (Chi tiết về mô hình ngôn cảnh Halliday, xin xem [19], [22], [23], [24]).

### 8. Kết luận

Trong bài viết này, với mục đích hướng tới một lí thuyết toàn diện về dịch thuật, chúng tôi đã thảo luận một số khái niệm cơ bản làm nền tảng cho việc xây dựng lí thuyết. Chúng tôi bắt đầu bằng những quan sát bên ngoài của quá trình dịch: từ ngôn bản ngữ nguồn, qua người dịch đến ngôn bản dịch ở ngữ đích. Nhận thấy rằng tương đương, tương ứng và thoả đáng là những khái niệm chủ chốt trong lí luận và nghiên cứu dịch thuật, chúng tôi đã trình bày một số nội dung cơ bản để hiểu rõ hơn về bản chất của ba khái niệm này. Đồng thời nhận thấy rằng trọng tâm của dịch là vấn đề chuyển nghĩa từ ngôn bản ngữ nguồn sang ngôn bản ngữ đích và để có được một ngôn bản ngữ đích tương đương gần nhất với ngôn bản ngữ nguồn, người dịch nhất định phải đi qua bước phân tích từ các yếu tố ngôn ngữ vĩ mô. Trọng tâm của dịch là nghĩa, và nghĩa có tính xã hội. Nếu quan niệm này được chấp nhận thì một lí thuyết dịch toàn diện không

những phải tính đến các yếu tố thuộc ngôn cảnh ngôn ngữ mà còn phải chứa đựng cả những yếu tố nằm ngoài ngôn bản - các yếu tố của ngôn cảnh tình huống, hai yếu tố ngôn ngữ nội tại và ngôn ngữ ngoại tại giúp người dịch hiểu thấu đáo hơn những ý nghĩa được nhập mã trong ngôn bản ngữ nguồn, chọn được những yếu tố tương ứng để nhập mã vào ngôn bản ngữ đích để cuối cùng có được một ngôn bản dịch đạt được cả hai tiêu chí tương đương và thoả đáng.

Những gì trình bày trong bài viết này mới chỉ là một số sơ thảo ban đầu để hướng tới một lí thuyết dịch toàn diện. Giao tiếp trong một ngôn ngữ đã phức tạp, nhưng nó mới chỉ là những vấn đề của giao tiếp nội ngôn. Dịch phức tạp hơn bởi vì nó là một kiểu giao tiếp liên ngôn, chứa đựng nhiều vấn đề vẫn chưa được làm sáng tỏ. Trong giao tiếp nội ngôn chỉ có một cặp giao tiếp: người nói/ viết và cử tọa, trong khi trong giao tiếp liên ngôn lại có hai cặp giao tiếp, một giữa người nói/ viết ở ngôn bản ngữ nguồn và cử tọa (người dịch) và một giữa người nói/ viết ở ngôn bản ngữ nguồn (thông qua một môi giới là người dịch và ở một mức độ nào đó là người nói/ viết thứ hai) và cử tọa ở ngôn bản ngữ đích. Với hai ngôn ngữ tự nhiên khác nhau, nằm trong hai nền văn hoá khác nhau được chuyển tải thông qua một môi giới chủ quan là người dịch thì chắc chắn “sự kiện phức tạp nhất từng được sản sinh ra trong sự tiến hoá của vũ trụ” mà Richards [25] muốn ám chỉ dịch thuật có lẽ còn phải tiếp tục được nghiên cứu và khám phá.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jabokson R., On Linguistic Aspects of Translation, In Readings in Translation Theory, *Chesterman A., (Ed.), Finland: Loimaan Kirjapaino, 1989, pp. 53 - 60.*
2. Wilss W., The Science of Translation, *Germany, Gunter Narr Verlag Tubingen, 1982.*
3. Bell R. T., Translation and Translating: Theory and Practice, *London and New York, Longman, 1991.*
4. Steiner G., After Babel: Aspects of Language and Translation, *Third Edition, Oxford, Oxford University Press, 1998.*
5. Chomsky N., Syntactic Structures, *The Haugue - Paris, Mouton, 1957.*
6. Nida E., Toward a Science of Translating: With Special Reference to Principles and Procedures Involved in Bible Translating, *Brill, Layden, 1964.*
7. Bassnett-McGuire S., Translation Studies, *London & New York, Methuen, 1980.*
8. Hoàng Văn Vân, Khái niệm tương đương trong lí luận và thực tiễn dịch thuật: Tương đương theo nghĩa nào? *T/c Ngôn ngữ, Số 2, 2010, tr. 1 - 16.*
9. Venuti L., The Translator's Invisibility: A History of Translation, *Second Edition, Oxon, Routledge, 2008.*
10. De Saussure F., Cours de Linguistique Générale, *Paris, Payot, 1916.*
11. Từ điển về chính quyền và chính trị Hoa Kỳ, *Nxb Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2002.*
12. Macquarie: Australia's National Dictionary, *Revised Third Edition, China, Macquarie University, 2003.*
13. Catford J. C., A Linguistic Theory of Translation, *Oxford, Oxford University Press, 1965.*
14. Nida E., & Taber C., The Theory and Practice of Translation, *Brill, Layden, 1969.*
15. Shveister A., Equivalence and Adequacy, In Translation as Social Action: Russian and Bulgarian Perspectives, *Zlateva P., (Ed.), London and New York, Routledge, 1993.*
16. Munday J., Introducing Translation Studies: Theories and Applications, *London and New York, Routledge, 2007.*
17. Malinowski B., Coral Gardens and Their Magic, *Vol. 2, London, Allen & Unwin, 1935.*
18. Firth J., Papers in Linguistics 1934 - 1951, *London, Oxford University Press, 1957.*
19. Halliday M. A., K. & R. Hasan, Language, Text and Context: Aspects of Language in Social Semiotic Perspective, *Victoria 3217, Deakin University Press, 1989.*
20. Gak V., On the Models of Language Synthesis, In Foreign Language Teaching in Schools, *N<sup>o</sup> 4, Moscow, 1969.*
21. Hymes D., The Ethnography of Speaking, In Language, Culture and Society: A Book of Readings, *Blount, B. G. (Ed.), Cambridge, Mass, Winthrop Publishers, Inc., 1974.*
22. Gregory M., & S. Carroll, Language Situation: Language Varieties and Social Contexts, *London, Routledge & Kegan Paul, 1978.*
23. Hoàng Văn Vân, Nghiên cứu dịch thuật, *Nxb KHXH, H., 2005a.*
24. Hoàng Văn Vân, Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt: Mô tả theo quan điểm chức năng hệ thống, *Nxb KHXH, H., 2005b.*
25. Richards I. A., Towards a Theory of Translating, In Studies in Chinese Thought, *Wright, A. F. (Ed.), The University of Chicago Press, 1953.*